

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2021

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
1	782006	Dương Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/08/1997	Quảng Bình	Giải phẫu bệnh	Miễn	8,75	8,92	8,92	26,59
2	782001	Phan Thế	Anh	Nam	26/07/1997	Đồng Nai	Giải phẫu bệnh	Miễn	8,83	8,5	9,08	26,41
3	782009	Phạm Văn	Tấn	Nam	28/04/1997	Tiền Giang	Giải phẫu bệnh	Miễn	8,67	8,08	9,25	26,00
4	782005	Lương Anh	Khoa	Nam	05/05/1997	Bình Định	Giải phẫu bệnh	6,92	7,58	7,92	8,75	24,25
5	782013	Nguyễn Phúc Thục	Uyên	Nữ	08/09/1997	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	5,17	8,08	8,33	7,83	24,24
6	782011	Phạm Thị Mai	Trúc	Nữ	02/07/1997	Tiền Giang	Giải phẫu bệnh	Miễn	7,75	7,67	8,25	23,67
7	782003	Hoàng Trần An	Khánh	Nam	14/04/1997	Khánh Hòa	Giải phẫu bệnh	7,17	8,17	7,25	8,08	23,50
8	782002	Nguyễn Tấn	Bửu	Nam	15/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	Miễn	7,92	6,42	7,83	22,17
9	782008	Nguyễn Thị Phương	Nhung	Nữ	26/11/1997	Quảng Nam	Giải phẫu bệnh	4,83	8,00	8,42	9	25,42
10	782004	Phạm	Khánh	Nam	10/11/1997	Vĩnh Long	Giải phẫu bệnh	4,83	8,33	8,67	8,25	25,25
11	782007	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	01/01/1997	Cà Mau	Giải phẫu bệnh	4,25	7,17	6,75	6,83	20,75
12	782010	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	14/10/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Giải phẫu bệnh	Miễn	6,17	5,42	6	17,59
13	782012	Bùi Thanh	Tùng	Nam	06/10/1997	Thái Bình	Giải phẫu bệnh	Miễn	0,00	0,00	0	0,00
1	781185	Lê Thị Xuân	Yến	Nữ	16/04/1997	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Miễn	9,42	9,67	7,36	26,45
2	781006	Phạm Nguyễn Ngọc	Bảo	Nam	22/08/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	5,83	9,08	9,67	7,55	26,30
3	781007	Huỳnh Ngọc	Bửu	Nam	27/05/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	5,42	9,25	9,58	7,27	26,10
4	781068	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	04/11/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miễn	9,25	9,75	7,09	26,09
5	781131	Đặng Đức	Tài	Nam	18/03/1997	Trà Vinh	Hệ ngoại	Miễn	9,50	9,67	6,91	26,08
6	781072	Võ Châu Hoàng	Long	Nam	1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	7,83	9,42	9,5	7,09	26,01
7	781026	Nguyễn Đại	Dương	Nam	01/01/1997	Tây Ninh	Hệ ngoại	Miễn	9,50	9,83	6,64	25,97
8	781180	Trịnh Trần Xuân	Vinh	Nam	15/12/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miễn	9,33	9,58	7	25,91
9	781028	Châu Hữu	Đang	Nam	09/06/1997	Long An	Hệ ngoại	Miễn	9,50	8,92	7,45	25,87
10	781021	Nguyễn Gia	Duy	Nam	08/12/1997	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Miễn	9,17	9,25	7,36	25,78
11	781082	Phạm Song	Nam	Nam	16/10/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	5	9,42	9,17	7,09	25,68

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
12	781139	Nguyễn Lê Hoàng	Tuấn	Nam	02/01/1997	Tiền Giang	Hệ ngoại	7	9,42	9,42	6,73	25,57
13	781151	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	19/05/1996	Bình Định	Hệ ngoại	5,58	9,08	9,5	6,91	25,49
14	781165	Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	14/04/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Miễn	9,42	9,17	6,82	25,41
15	781133	Trương Thanh	Tâm	Nữ	23/11/1997	Long An	Hệ ngoại	Miễn	9,58	9,17	6,64	25,39
16	781158	Hứa Thạch	Thông	Nam	12/02/1997	Bình Thuận	Hệ ngoại	6,25	9,42	9,5	6,45	25,37
17	781176	Võ Nguyễn Thúy	Uyên	Nữ	03/11/1997	Cần Thơ	Hệ ngoại	7,08	8,92	9,25	7,18	25,35
18	781018	Trần Lê	Dung	Nam	06/10/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miễn	8,83	9,5	7	25,33
19	781147	Nguyễn Văn Minh	Thanh	Nữ	28/09/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	7,17	9,33	9	7	25,33
20	781129	Nguyễn Bảo	Son	Nam	11/11/1997	Bình Định	Hệ ngoại	Miễn	8,92	9,58	6,82	25,32
21	781065	Phạm Trần Đăng	Khoa	Nam	26/07/1997	Trà Vinh	Hệ ngoại	Miễn	9,33	9,33	6,64	25,30
22	781093	Cao Hoàng	Nhã	Nam	21/07/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miễn	8,83	9,75	6,64	25,22
23	781052	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	29/09/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	Miễn	9,33	9,5	6,27	25,10
24	781117	Hoàng Văn	Quang	Nam	17/10/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	8,67	9,08	9,17	6,82	25,07
25	781154	Huỳnh Thanh	Thiên	Nam	09/04/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	7,42	8,83	9,5	6,64	24,97
26	781061	Nguyễn Kinh	Kha	Nam	12/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	9,25	9,5	6,18	24,93
27	781127	Đặng Cao	Son	Nam	17/03/1996	Lâm Đồng	Hệ ngoại	6,42	9,00	9,08	6,82	24,90
28	781155	Hoàng Minh	Thiện	Nam	03/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	8,58	8,83	9,33	6,73	24,89
29	781183	Huỳnh Thị Lê	Vy	Nữ	25/08/1997	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	9,00	9,25	6,64	24,89
30	781056	Lương Nguyễn Quốc	Hung	Nam	15/05/1997	Đồng Tháp	Hệ ngoại	5,58	9,08	9,42	6,27	24,77
31	781073	Nguyễn Phú	Lộc	Nam	02/06/1997	Đồng Tháp	Hệ ngoại	6,75	9,33	9,17	6,27	24,77
32	781071	Nguyễn Huỳnh Thành	Long	Nam	02/12/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	6,42	9,00	9,58	6,18	24,76
33	781136	Nguyễn Bùi Trọng	Tín	Nam	11/08/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	5,58	9,17	9,17	6,36	24,70
34	781162	Lê Anh	Thư	Nữ	12/12/1997	Phú Yên	Hệ ngoại	Miễn	8,67	8,92	7,09	24,68
35	781164	Trương Thị Minh	Thư	Nữ	13/02/1997	Vĩnh Long	Hệ ngoại	6,67	8,83	9,58	6,27	24,68
36	781050	Huỳnh Thế	Huy	Nam	14/08/1997	Tiền Giang	Hệ ngoại	Miễn	9,00	9	6,64	24,64
37	781159	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	11/05/1997	Bình Phước	Hệ ngoại	Miễn	8,83	9,25	6,55	24,63
38	781181	Trần Minh	Vũ	Nam	20/01/1997	Bình Định	Hệ ngoại	6,17	9,00	9,08	6,55	24,63
39	781048	Đỗ Huy	Hoàng	Nam	24/12/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Miễn	8,92	9,33	6,36	24,61
40	781119	Huỳnh Trung	Quân	Nam	15/02/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	6,75	8,92	9,58	6,09	24,59
41	781135	Hồ Thuỷ	Tiên	Nữ	19/07/1997	Long An	Hệ ngoại	Miễn	8,67	9,08	6,82	24,57
42	781146	Nguyễn Quốc	Thanh	Nam	01/06/1997	Bình Thuận	Hệ ngoại	Miễn	8,67	8,75	7,09	24,51
43	781083	Hoàng Thị	Nga	Nữ	01/03/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	5,83	9,00	9,33	6,18	24,51

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
44	781009	Trần Thủy	Cát	Nữ	16/09/1997	Bến Tre	Hệ ngoại	Miền	8,33	9,25	6,91	24,49
45	781034	Lê Trương Quỳnh	Giang	Nữ	17/05/1996	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Miền	8,58	9,17	6,73	24,48
46	781066	Nguyễn Hồ Vũ	Khôi	Nam	27/06/1997	Bình Định	Hệ ngoại	Miền	8,92	9,25	6,27	24,44
47	781079	Vũ Trương An	Mỹ	Nam	08/12/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miền	8,83	9,17	6,36	24,36
48	781047	Trần Duy	Hiếu	Nam	12/10/1997	Bình Định	Hệ ngoại	Miền	8,92	9,08	6,36	24,36
49	781031	Bùi Quý	Đức	Nam	05/05/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	6,25	9,17	9	6,18	24,35
50	781016	Trương Bảo	Chính	Nam	20/11/1996	Hà Tĩnh	Hệ ngoại	5,42	8,83	9,25	6,27	24,35
51	781143	Kiều Văn	Thái	Nam	16/12/1997	Thanh Hóa	Hệ ngoại	6,5	8,58	8,92	6,82	24,32
52	781167	Nguyễn Thị Như	Trang	Nữ	27/08/1997	Ninh Thuận	Hệ ngoại	Miền	8,92	8,92	6,45	24,29
53	781008	Nguyễn Văn	Cao	Nam	01/01/1997	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Miền	9,08	9,08	6,09	24,25
54	781124	Vương Quốc	Quyên	Nam	15/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	8,08	9,17	9,08	6	24,25
55	781153	Nguyễn Quốc	Thị	Nam	04/01/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	7,25	9,00	9,33	5,91	24,24
56	781099	Huỳnh Bá Đông	Nhật	Nam	16/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	9,17	8,58	9,17	6,45	24,20
57	781023	Nguyễn Thị Thu	Duyên	Nữ	10/03/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miền	8,67	9,08	6,45	24,20
58	781089	Hồ Đại	Nghĩa	Nam	01/02/1997	Bình Thuận	Hệ ngoại	5,42	8,58	9,58	6	24,16
59	781106	Võ Hồng	Nhật	Nam	04/10/1997	Tiền Giang	Hệ ngoại	6,42	8,00	9,33	6,82	24,15
60	781149	Trần Thị	Thanh	Nữ	30/11/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miền	8,25	9,25	6,64	24,14
61	781081	Nguyễn Cao Hoàng	Nam	Nam	25/08/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miền	8,42	8,92	6,73	24,07
62	781074	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	12/06/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	5,42	8,25	9,42	6,36	24,03
63	781036	Lê Văn	Giàu	Nam	24/11/1997	An Giang	Hệ ngoại	6,25	9,17	8,83	6	24,00
64	781019	Nguyễn Minh	Dũng	Nam	08/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	8,83	9,25	5,91	23,99
65	781171	Phạm Nguyễn Minh	Trí	Nam	01/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	9,42	9,33	5,18	23,93
66	781148	Nguyễn Văn Thái	Thanh	Nam	07/11/1997	An Giang	Hệ ngoại	Miền	8,83	9,17	5,91	23,91
67	781054	Phạm Ngọc	Huy	Nam	11/08/1996	Thái Bình	Hệ ngoại	Miền	8,33	9,33	6,18	23,84
68	781015	Võ Quỳnh	Châu	Nữ	24/02/1997	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miền	9,00	8,42	6,36	23,78
69	781013	Dương Thị Ngọc	Châu	Nữ	11/04/1997	Bến Tre	Hệ ngoại	7,75	7,58	9,5	6,64	23,72
70	781114	Nguyễn Lê	Phước	Nam	19/09/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miền	7,83	9,33	6,55	23,71
71	781062	Phạm Phú	Khang	Nam	10/03/1997	Bến Tre	Hệ ngoại	Miền	8,75	8,92	6	23,67
72	781110	Lê Minh	Phong	Nam	10/05/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Miền	8,33	9,42	5,91	23,66
73	781182	Trần Tuấn	Vũ	Nam	02/12/1997	An Giang	Hệ ngoại	Miền	8,50	8,5	6,64	23,64
74	781012	Nguyễn Văn	Cường	Nam	14/05/1997	Cần Thơ	Hệ ngoại	5,08	8,25	8,92	6,45	23,62
75	781038	Vũ Việt	Hà	Nữ	25/09/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	6,33	8,33	9,25	6	23,58

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
76	781134	Mai Xuân	Tấn	Nam	08/12/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miền	8,75	8,83	6	23,58
77	781037	Hoàng Vũ Ngọc	Hà	Nữ	05/09/1997	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miền	8,67	8,5	6,27	23,44
78	781130	Trần Xuân	Son	Nam	29/10/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	5,25	8,25	8,83	6,36	23,44
79	781075	Nguyễn Trường	Mạnh	Nam	07/01/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miền	8,42	8,92	6,09	23,43
80	781039	Ngô Thị Bích	Hải	Nữ	22/09/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	6,92	8,58	8,58	6,27	23,43
81	781101	Đinh Thị Quyên	Nhi	Nữ	19/12/1997	Bình Định	Hệ ngoại	7,5	8,25	9,33	5,82	23,40
82	781022	Phạm Phương	Duy	Nam	20/10/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	5,75	8,50	8,92	5,91	23,33
83	781087	Huỳnh Quang	Nghệ	Nam	25/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	7,92	9,58	5,82	23,32
84	781113	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	04/06/1997	Phú Yên	Hệ ngoại	Miền	9,00	8,17	6,09	23,26
85	781064	Ngô Trần Minh	Khánh	Nam	01/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	8,50	8,75	6	23,25
86	781090	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	11/08/1997	Vĩnh Long	Hệ ngoại	Miền	7,92	9,08	6,18	23,18
87	781044	Cao Hữu	Hậu	Nam	22/01/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miền	8,67	8,42	6,09	23,18
88	781041	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	11/12/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	7,83	8,08	9,08	6	23,16
89	781132	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/04/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miền	8,08	9,58	5,45	23,11
90	781053	Nguyễn Phước Bảo	Huy	Nam	11/04/1997	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	Miền	8,50	8,33	6,27	23,10
91	781045	Dương Thị Ngọc	Hiền	Nữ	17/11/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miền	7,67	8,75	6,64	23,06
92	781086	Lê Thị Trúc	Ngân	Nữ	20/08/1997	Ninh Thuận	Hệ ngoại	Miền	8,75	8,67	5,64	23,06
93	781098	Huỳnh Bá	Nhân	Nam	06/01/1997	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Miền	8,17	8,75	6,09	23,01
94	781085	Nguyễn Phương	Ngà	Nữ	22/08/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miền	8,08	9,08	5,82	22,98
95	781067	Lê Thị	Lan	Nữ	24/01/1997	Quảng Bình	Hệ ngoại	6,67	8,50	8,92	5,55	22,97
96	781118	Trần Như	Quang	Nam	13/02/1997	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Miền	8,92	8,75	5,27	22,94
97	781175	Nguyễn Cảnh	Trường	Nam	12/06/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Miền	8,58	9	5,36	22,94
98	781161	Hồ Lê Minh	Thư	Nữ	17/07/1997	Đồng Tháp	Hệ ngoại	5,33	7,83	9,08	6	22,91
99	781166	Trần Thị Diệu	Thương	Nữ	08/08/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miền	8,33	8,58	6	22,91
100	781060	Trần Anh	Kiệt	Nam	20/04/1997	Trà Vinh	Hệ ngoại	5	8,17	8,5	6,18	22,85
101	781178	Dương Khánh	Vân	Nữ	24/12/1997	Cần Thơ	Hệ ngoại	6,67	8,17	8,58	6,09	22,84
102	781104	Lê Bảo	Như	Nữ	29/12/1997	Cần Thơ	Hệ ngoại	6,58	8,67	8,5	5,64	22,81
103	781128	Mai Xuân	Son	Nam	29/12/1997	Quảng Bình	Hệ ngoại	Miền	8,50	7,67	6,55	22,72
104	781170	Nguyễn Minh	Trí	Nam	26/07/1997	Kon Tum	Hệ ngoại	5,92	8,67	8,67	5,36	22,70
105	781078	Phạm Thị Hồng	Mỹ	Nữ	05/09/1997	Trà Vinh	Hệ ngoại	5,67	7,58	9	6	22,58
106	781043	Phạm	Hào	Nam	26/10/1997	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	5,5	7,92	9	5,45	22,37
107	781020	Huỳnh Ngọc	Duy	Nam	03/10/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	6,92	8,08	9	5,27	22,35

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
108	781112	Nguyễn Anh	Phong	Nam	23/01/1997	Bình Thuận	Hệ ngoại	Miền	7,92	8,42	6	22,34
109	781010	Trần	Cương	Nam	15/12/1994	Đồng Nai	Hệ ngoại	5,25	8,08	8,25	6	22,33
110	781123	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	06/11/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	Miền	8,17	8,42	5,73	22,32
111	781077	Phạm Hoàn	Mỹ	Nữ	08/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	8,08	8,75	5,27	22,10
112	781025	Đỗ Thị Thuý	Dương	Nữ	17/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	7,42	8	6,55	21,97
113	781138	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	11/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	5,42	7,17	8,83	5,91	21,91
114	781172	Trần Minh	Trí	Nam	10/01/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miền	7,50	8,67	5,73	21,90
115	781157	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	10/10/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miền	7,92	8,17	5,73	21,82
116	781126	Ngô Văn	Sắc	Nam	01/12/1996	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miền	7,50	8,58	5,73	21,81
117	781145	Lê Nhựt	Thanh	Nam	07/09/1997	Bến Tre	Hệ ngoại	Miền	6,92	8,42	6,45	21,79
118	781004	Phạm Ngọc	Anh	Nam	21/06/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	5,92	7,50	8,33	5,91	21,74
119	781152	Đỗ Đức	Thắng	Nam	16/11/1997	Cà Mau	Hệ ngoại	6,33	7,58	8,83	5,27	21,68
120	781100	Ca Thị Lan	Nhi	Nữ	03/09/1997	Bến Tre	Hệ ngoại	Miền	7,25	8,58	5,36	21,19
121	781049	Trần Cao	Hoàng	Nam	07/08/1997	Bình Định	Hệ ngoại	6,08	7,25	8,08	5,64	20,97
122	781163	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	14/01/1997	Khánh Hòa	Hệ ngoại	5,42	7,25	7,67	6	20,92
123	781121	Trương Minh	Quân	Nam	12/08/1997	Quảng Trị	Hệ ngoại	Miền	6,92	8,08	5,91	20,91
124	781069	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	22/12/1997	Thái Bình	Hệ ngoại	Miền	7,25	7,83	5,09	20,17
125	781091	Trần Huỳnh Hồng	Ngọc	Nữ	15/03/1994	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Miền	6,67	7,5	5,73	19,90
126	781058	Võ Quốc	Hung	Nam	24/02/1997	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	5,08	6,83	7,5	5,45	19,78
127	781095	Bùi Quang	Nhân	Nam	18/03/1997	Sóc Trăng	Hệ ngoại	5,92	6,00	8	5,09	19,09
128	781092	Nguyễn Trương Thanh	Nguyên	Nữ	23/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	5,25	8,17	5,36	18,78
129	781033	Nguyễn Việt	Đức	Nam	27/11/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	5,25	6,00	7,08	5,45	18,53
130	781002	La Hồ Trúc	Anh	Nữ	18/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miền	5,92	7,08	5,36	18,36
131	781096	Đỗ Nguyễn Trung	Nhân	Nam	30/08/1997	Ninh Thuận	Hệ ngoại	Miền	5,75	7,33	5,27	18,35
132	781174	Lâm Văn	Trung	Nam	01/01/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	4,5	8,83	9,33	6,55	24,71
133	781115	Trần Quốc	Phương	Nam	22/08/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	4,25	8,25	9,33	7	24,58
134	781103	Tai Trần Hồng	Nhung	Nữ	19/06/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	3,83	7,67	9,58	6,27	23,52
135	781169	Châu Thị	Trí	Nữ	01/01/1997	Bình Thuận	Hệ ngoại	4,75	8,42	9,08	5,55	23,05
136	781080	Lê Chí	Nam	Nam	02/11/1997	Đắk Lắk	Hệ ngoại	4	8,42	8,5	6,09	23,01
137	781137	Ngô Quốc	Tinh	Nam	03/09/1997	Kiên Giang	Hệ ngoại	3,08	8,08	9	5,73	22,81
138	781046	Trần Thị Thảo	Hiền	Nữ	04/02/1997	Bình Phước	Hệ ngoại	4,75	7,92	9,08	5,73	22,73
139	781102	Trần Hoàng	Nhi	Nam	20/11/1996	Kiên Giang	Hệ ngoại	4,08	7,42	9	5,91	22,33

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
140	781108	Nguyễn Thành	Phát	Nam	13/12/1996	Bạc Liêu	Hệ ngoại	4,33	7,92	8,75	5,55	22,22
141	781184	Bùi Thanh	Xuân	Nữ	31/01/1997	Tiền Giang	Hệ ngoại	4,58	8,00	8,25	5,55	21,80
142	781141	Tô Mạnh	Tùng	Nam	15/05/1995	Tây Ninh	Hệ ngoại	4,5	8,00	8,08	5,64	21,72
143	781070	Trần Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	30/07/1997	Long An	Hệ ngoại	4,92	7,42	8,58	5,64	21,64
144	781107	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	14/12/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	5,08	8,33	8,17	4,82	21,32
145	781150	Nguyễn Văn Nhật	Thành	Nam	02/05/1997	Đà Nẵng	Hệ ngoại	4,25	7,75	7,92	5,64	21,31
146	781160	Huỳnh Mơ	Thuyên	Nữ	01/09/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	5,75	8,25	8,08	4,82	21,15
147	781057	Võ Gia	Hung	Nam	15/12/1997	Cần Thơ	Hệ ngoại	Miễn	7,58	8,58	4,91	21,07
148	781084	Huỳnh Thị	Nga	Nữ	07/10/1997	Quảng Nam	Hệ ngoại	3,83	7,17	8,33	5,55	21,05
149	781003	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	16/01/1997	Hà Tĩnh	Hệ ngoại	3,75	7,75	7,92	5,27	20,94
150	781109	Lê Hồng	Phong	Nam	10/10/1996	Long An	Hệ ngoại	Miễn	7,17	8,75	4,73	20,65
151	781156	Nguyễn Hà Gia	Thịnh	Nam	27/02/1997	Cà Mau	Hệ ngoại	Miễn	8,08	8	4,55	20,63
152	781140	Nguyễn Quang	Tùng	Nam	20/10/1995	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	4,83	6,75	7	6,09	19,84
153	781179	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	03/11/1997	An Giang	Hệ ngoại	8,33	7,00	7,83	4,82	19,65
154	781063	Trần Nhật	Khang	Nam	27/04/1996	Bạc Liêu	Hệ ngoại	6,08	7,42	6,42	5,64	19,48
155	781029	Võ Thị Mỹ	Điền	Nữ	10/07/1997	Long An	Hệ ngoại	4,75	6,33	7,25	5,82	19,40
156	781011	Bùi Quốc	Cường	Nam	10/10/1997	Bình Thuận	Hệ ngoại	4	6,67	7,5	5	19,17
157	781177	Phạm Anh	Văn	Nam	01/12/1993	Trà Vinh	Hệ ngoại	Miễn	6,75	7,58	4,82	19,15
158	781173	Cao Thị Ngọc	Trúc	Nữ	27/12/1996	Hậu Giang	Hệ ngoại	4,08	6,75	7	5,36	19,11
159	781105	Trần Ngọc Thảo	Như	Nữ	11/01/1997	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Miễn	7,58	8,08	3,45	19,11
160	781042	Phan Thị	Hạnh	Nữ	15/05/1996	Nam Định	Hệ ngoại	Miễn	7,00	6,5	4,91	18,41
161	781125	Đặng Minh	Sang	Nam	25/09/1997	Cà Mau	Hệ ngoại	2,75	6,75	6,08	5,55	18,38
162	781001	Phạm Duy Minh	An	Nữ	07/03/1997	Tiền Giang	Hệ ngoại	Miễn	6,00	6,92	5,27	18,19
163	781088	Đỗ Đình	Nghị	Nam	01/07/1997	Gia Lai	Hệ ngoại	6,75	6,92	7,17	4	18,09
164	781076	Trương Ngọc Trà	My	Nữ	06/07/1996	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	6,42	7	4,55	17,97
165	781120	Nguyễn Hứa Hoàng	Quân	Nam	20/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	5,75	6,75	5,45	17,95
166	781027	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	30/10/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miễn	6,00	6,67	5,27	17,94
167	781024	Phan Tạ Thục	Duyên	Nữ	15/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	7,17	5,92	7,17	4,82	17,91
168	781168	Phạm Thị Mai	Trang	Nữ	11/10/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	6	6,33	6,17	5,36	17,86
169	781116	Văn Nguyễn Hồng	Phương	Nữ	10/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	5,25	7,5	4,91	17,66
170	781059	Dương Quang	Hy	Nam	22/02/1997	Kon Tum	Hệ ngoại	5,25	5,33	7,5	4,82	17,65
171	781040	Nguyễn Thị Thu	Hải	Nữ	10/03/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	3,33	5,92	6,33	5,27	17,52

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
172	781097	Nguyễn Minh Trí	Nhân	Nam	08/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	4,33	7,08	5,27	16,68
173	781014	Đỗ Minh	Châu	Nữ	25/07/1997	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	5,08	6,5	5,09	16,67
174	781144	Võ Thành	Thái	Nam	24/10/1997	Bến Tre	Hệ ngoại	4,33	5,83	6,08	4,64	16,55
175	781005	Ngô Gia	Bảo	Nam	09/02/1997	Kiên Giang	Hệ ngoại	Miễn	5,75	5,92	4,55	16,22
176	781142	Võ Đình	Tử	Nam	14/06/1997	Trà Vinh	Hệ ngoại	5,5	4,00	5,08	4,91	13,99
177	781111	Nông Thế Duy	Phong	Nam	26/10/1997	Lâm Đồng	Hệ ngoại	7,67	4,25	0,00	0	4,25
178	781030	Nguyễn Hải	Đông	Nam	03/06/1997	Tiền Giang	Hệ ngoại	Miễn	0,00	0,00	0	0,00
179	781055	Cao Nguyễn Thế	Hung	Nam	01/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	0,00	0,00	0	0,00
180	781122	Bùi Thị Thanh	Quyên	Nữ	06/11/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	0	0,00	0,00	0	0,00
181	781017	Lục Thị Trà	Diễm	Nữ	20/11/1996	Đắk Lắk	Hệ ngoại	0	0,00	0,00	0	0,00
182	781035	Trần Thị Thu	Giang	Nữ	05/12/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	0	0,00	0,00	0	0,00
183	781032	Lê Ngọc Huỳnh	Đức	Nam	07/11/1997	Đồng Nai	Hệ ngoại	0	0,00	0,00	0	0,00
184	781051	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	24/05/1997	Vĩnh Long	Hệ ngoại	0	0,00	0,00	0	0,00
185	781094	Lê Thanh	Nhàn	Nam	25/10/1995	An Giang	Hệ ngoại	0	0,00	0,00	0	0,00
1	780141	Võ Trọng	Tín	Nam	07/03/1997	Trà Vinh	Hệ nội	Miễn	9,58	9,17	9,33	28,08
2	780174	Trần Minh	Triết	Nam	04/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	9,67	9,17	8,58	27,42
3	780188	Nguyễn Thị Mai	Xuân	Nữ	19/01/1997	Bến Tre	Hệ nội	Miễn	9,42	8,92	8,92	27,26
4	780084	Võ Thị Trúc	Ly	Nữ	30/09/1997	Bình Định	Hệ nội	Miễn	9,00	9,17	9,08	27,25
5	780080	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/10/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	5,33	9,42	9	8,75	27,17
6	780004	Huỳnh Mỹ	Anh	Nữ	29/10/1997	Kiên Giang	Hệ nội	Miễn	9,08	8,83	9,25	27,16
7	780149	Huỳnh Thị Thanh	Thanh	Nữ	28/03/1997	Bình Thuận	Hệ nội	Miễn	9,17	8,92	9	27,09
8	780148	Lương Trọng	Tường	Nam	23/08/1997	Tây Ninh	Hệ nội	7,75	8,83	9,08	9,17	27,08
9	780169	Phạm Nguyễn Quế	Trâm	Nữ	04/02/1997	Bình Thuận	Hệ nội	6,25	9,33	8,67	9,08	27,08
10	780021	Đoàn Mạnh	Dũng	Nam	06/04/1997	Cần Thơ	Hệ nội	Miễn	9,50	8,75	8,83	27,08
11	780073	Trương Quốc	Khánh	Nam	19/10/1997	Kiên Giang	Hệ nội	Miễn	9,08	9,25	8,67	27,00
12	780178	Đinh Hoàng	Trung	Nam	21/11/1997	Sóc Trăng	Hệ nội	6,25	9,33	8,5	9,17	27,00
13	780082	Nguyễn Phạm Hoàng	Long	Nam	27/02/1997	Phú Yên	Hệ nội	7,17	9,17	8,75	8,92	26,84
14	780085	Trần Lê Tuyết	Mai	Nữ	19/03/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	Miễn	9,42	8,5	8,92	26,84
15	780126	Nguyễn Hữu	Quý	Nam	14/02/1997	Long An	Hệ nội	Miễn	9,25	8,75	8,83	26,83
16	780030	Nguyễn Minh	Đức	Nam	25/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	9,08	9	8,67	26,75
17	780033	Nguyễn Thị Thảo	Hạ	Nữ	24/08/1997	Bình Định	Hệ nội	5,42	9,17	9,08	8,5	26,75
18	780130	Lê Vũ Như	Quỳnh	Nữ	18/04/1997	Bình Phước	Hệ nội	Miễn	9,00	8,75	8,92	26,67

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
19	780057	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	06/09/1997	Bình Định	Hệ nội	Miễn	9,25	8,92	8,5	26,67
20	780052	NGUYỄN HỮU	HÓA	Nam	11/08/1997	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	Miễn	8,83	9,08	8,75	26,66
21	780143	Phùng Đạt	Toàn	Nam	25/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	6,5	9,08	8,75	8,83	26,66
22	780159	Nguyễn Lâm	Thịnh	Nam	30/12/1997	Bình Định	Hệ nội	5,5	9,00	8,92	8,67	26,59
23	780018	Ngô Thị Kim	Chung	Nữ	07/07/1997	Quảng Ngãi	Hệ nội	Miễn	9,17	8,92	8,5	26,59
24	780098	Đoàn Lục	Nghi	Nam	07/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	9,33	9,25	8	26,58
25	780134	Lê Thanh	Son	Nam	07/10/1997	Bạc Liêu	Hệ nội	Miễn	9,17	8,42	8,92	26,51
26	780119	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	Nam	20/03/1997	Vĩnh Long	Hệ nội	7	8,92	9,33	8,25	26,50
27	780153	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	09/08/1997	Đồng Tháp	Hệ nội	7,08	9,00	9	8,5	26,50
28	780061	Trần Vũ Gia	Huy	Nam	03/05/1996	Bình Thuận	Hệ nội	Miễn	9,25	8,83	8,42	26,50
29	780115	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	11/09/1997	Long An	Hệ nội	6,92	9,58	8,42	8,5	26,50
30	780050	Phạm Thị Mỹ	Hoa	Nữ	25/02/1997	Gia Lai	Hệ nội	Miễn	8,92	8,75	8,75	26,42
31	780002	Nguyễn Thị Hoàng	An	Nữ	10/07/1996	Quảng Nam	Hệ nội	Miễn	9,50	8,67	8,25	26,42
32	780069	Vũ Anh	Kiệt	Nam	27/07/1997	Đồng Nai	Hệ nội	Miễn	9,08	8,75	8,58	26,41
33	780147	Trần Thanh	Tùng	Nam	13/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	6,75	9,25	8,83	8,33	26,41
34	780089	Lê Thảo	My	Nữ	22/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	9,42	8,5	8,42	26,34
35	780172	Huỳnh Minh	Triết	Nam	08/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	8,75	8,75	8,83	26,33
36	780185	Nguyễn Thị	Viên	Nữ	15/08/1997	Quảng Ngãi	Hệ nội	Miễn	9,00	8,58	8,75	26,33
37	780005	Phạm Thị Minh	Anh	Nữ	07/05/1997	Quảng Ngãi	Hệ nội	Miễn	8,83	9,17	8,25	26,25
38	780140	Trần Mai Hạnh	Tiên	Nữ	04/04/1997	Tây Ninh	Hệ nội	6,75	9,17	8,58	8,5	26,25
39	780023	Huỳnh Ngọc Lê	Duy	Nam	20/11/1997	Quảng Nam	Hệ nội	5,08	9,17	8,42	8,58	26,17
40	780019	Võ Đỗ	Danh	Nam	17/08/1997	Khánh Hòa	Hệ nội	5,75	8,83	9	8,33	26,16
41	780017	Huỳnh Thị Mỹ	Chung	Nữ	08/05/1997	Phú Yên	Hệ nội	Miễn	8,75	8,58	8,75	26,08
42	780076	Hà Lữ Ngọc	Linh	Nữ	18/08/1996	Trà Vinh	Hệ nội	Miễn	9,33	8,67	8,08	26,08
43	780060	Trần Quang	Huy	Nam	11/10/1997	Gia Lai	Hệ nội	6,17	8,58	8,75	8,67	26,00
44	780095	Đoàn Thị Kiều	Ngân	Nữ	02/01/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	9,17	8,25	8,58	26,00
45	780167	Mai Thùy	Trang	Nữ	24/11/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	9,25	8,42	8,33	26,00
46	780150	Tô Hồng Phương	Thanh	Nữ	14/10/1997	Sóc Trăng	Hệ nội	5	9,17	8,25	8,42	25,84
47	780104	Nguyễn Thanh	Nhân	Nam	11/07/1997	Tây Ninh	Hệ nội	6,67	9,42	8,75	7,67	25,84
48	780059	Trần Mạch Thái	Huy	Nam	28/02/1997	Cà Mau	Hệ nội	5,5	9,42	8,17	8,25	25,84
49	780062	Lê Khánh	Huyền	Nữ	28/12/1997	Bình Thuận	Hệ nội	9,08	9,00	8,83	8	25,83
50	780157	Nguyễn Hoàng Khâm	Thiên	Nữ	02/04/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	9,00	8,5	8,33	25,83

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
51	780135	Lê Tấn	Tài	Nam	06/08/1997	Khánh Hòa	Hệ nội	Miễn	9,08	8,67	8,08	25,83
52	780086	Chu Đức	Mạnh	Nam	01/01/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	8,58	8,67	8,5	25,75
53	780072	Ngô Đăng	Khánh	Nam	22/01/1997	Hà Tĩnh	Hệ nội	Miễn	9,08	8,42	8,25	25,75
54	780168	Dương Tỏa Ngọc	Trâm	Nữ	20/10/1997	Cần Thơ	Hệ nội	5,75	9,25	7,92	8,5	25,67
55	780101	Lê Thu	Nguyệt	Nữ	10/10/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	5,58	8,58	8,75	8,25	25,58
56	780070	Võ Hoàng Duy	Kha	Nam	25/03/1997	Long An	Hệ nội	6,08	8,75	8,17	8,58	25,50
57	780007	Võ Thị Kim	Anh	Nữ	24/11/1997	Bình Phước	Hệ nội	5,17	8,75	8,17	8,58	25,50
58	780124	Trần Minh	Quang	Nam	30/03/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Miễn	9,25	8,42	7,83	25,50
59	780127	Trần Thị Mỹ	Quý	Nữ	07/04/1997	Bến Tre	Hệ nội	Miễn	9,08	8,08	8,33	25,49
60	780112	Dương Lê Quỳnh	Như	Nữ	02/09/1997	Ninh Thuận	Hệ nội	Miễn	9,42	8,08	7,92	25,42
61	780118	Nguyễn Trọng	Phú	Nam	01/01/1997	Phú Yên	Hệ nội	Miễn	9,00	8,58	7,83	25,41
62	780037	Lê Nguyễn Hiếu	Hạnh	Nữ	27/02/1997	Đồng Nai	Hệ nội	Miễn	9,08	8,5	7,83	25,41
63	780099	Lâm Phước	Nguyên	Nam	08/07/1997	Cần Thơ	Hệ nội	6,42	8,42	8,75	8,17	25,34
64	780181	Trần Ngọc Tường	Uyên	Nữ	17/05/1997	Bình Thuận	Hệ nội	6,67	8,50	8,75	8,08	25,33
65	780079	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	05/04/1997	Phú Yên	Hệ nội	Miễn	8,58	8,5	8,25	25,33
66	780066	Đoàn Thị Lan	Hương	Nữ	17/04/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	5,5	8,92	8,33	8,08	25,33
67	780090	Lê Thị Vũ	My	Nữ	20/08/1997	Quảng Nam	Hệ nội	Miễn	9,00	8	8,33	25,33
68	780184	Trần Nhựt Phong	Vân	Nam	01/08/1997	Đồng Tháp	Hệ nội	5,67	8,58	8,5	8,17	25,25
69	780146	Nguyễn Gia	Tuấn	Nam	14/04/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	6,5	8,92	8,58	7,75	25,25
70	780078	Mai Hoàng Việt	Linh	Nữ	26/02/1996	Đắk Lắk	Hệ nội	5,58	9,08	8,08	8,08	25,24
71	780133	Trương Mưu	Sáng	Nam	15/07/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	5,83	8,75	8,75	7,67	25,17
72	780152	Nguyễn Hoàng Thạch	Thảo	Nữ	07/06/1996	An Giang	Hệ nội	Miễn	9,00	8,17	8	25,17
73	780067	Lý Thành	Kiệt	Nam	16/04/1995	Tiền Giang	Hệ nội	Miễn	8,75	8,58	7,75	25,08
74	780020	Đoàn Vi	Diệu	Nữ	25/01/1997	Kon Tum	Hệ nội	Miễn	9,17	8,33	7,58	25,08
75	780058	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	13/12/1997	Bình Thuận	Hệ nội	5,08	8,50	8,42	8,08	25,00
76	780065	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	13/03/1996	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	5,42	8,67	8,33	8	25,00
77	780111	Trần Ngọc Thảo	Nhi	Nữ	01/10/1997	Trà Vinh	Hệ nội	Miễn	9,17	8,25	7,58	25,00
78	780056	Nguyễn Bá Nhật	Huy	Nam	09/06/1997	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	6,42	8,50	7,92	8,5	24,92
79	780048	Nguyễn Quang	Hiếu	Nam	13/08/1997	Gia Lai	Hệ nội	Miễn	7,58	8,83	8,42	24,83
80	780106	Huỳnh Phạm	Nhật	Nam	18/03/1995	Quảng Ngãi	Hệ nội	Miễn	8,08	8,08	8,67	24,83
81	780136	Nguyễn Nhật	Tài	Nam	29/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	8,25	8,25	8,33	24,83
82	780047	Lý Thái Minh	Hiếu	Nam	30/06/1997	Vĩnh Long	Hệ nội	Miễn	8,50	8,25	8,08	24,83

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
83	780051	Quách Phước	Hoà	Nam	06/10/1997	Bạc Liêu	Hệ nội	7	7,83	8,5	8,42	24,75
84	780160	Trương Phước	Thọ	Nam	06/10/1996	Sóc Trăng	Hệ nội	Miễn	8,58	8,08	8,08	24,74
85	780137	Võ Lương	Tài	Nam	16/02/1997	Phú Yên	Hệ nội	6,17	8,58	7,83	8,25	24,66
86	780043	Lê Huỳnh Ngọc	Hân	Nữ	27/09/1997	Tiền Giang	Hệ nội	7,17	8,25	8,58	7,83	24,66
87	780081	Thái Thị Tố	Loan	Nữ	16/06/1997	Vĩnh Long	Hệ nội	5,33	8,50	8,08	7,92	24,50
88	780145	Đặng Anh	Tuấn	Nam	27/01/1997	Trà Vinh	Hệ nội	5,08	8,92	8,08	7,5	24,50
89	780170	Võ Thị Băng	Trâm	Nữ	23/02/1997	Bến Tre	Hệ nội	Miễn	8,58	8	7,83	24,41
90	780102	Nguyễn Đoàn Lâm	Nguyệt	Nữ	04/10/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	7,58	8,42	8,33	24,33
91	780128	Từ Thị Thúy	Quyên	Nữ	04/11/1997	Trà Vinh	Hệ nội	5,42	8,25	8,25	7,5	24,00
92	780156	Lâm Quốc	Thắng	Nam	11/06/1996	An Giang	Hệ nội	5,08	9,50	7,17	7,33	24,00
93	780032	Trần Trung	Đức	Nam	28/02/1997	Gia Lai	Hệ nội	5,83	8,25	8	7,67	23,92
94	780100	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	Nữ	28/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	8,92	7,5	7,5	23,92
95	780091	Lý Khánh	My	Nữ	24/02/1997	Sóc Trăng	Hệ nội	Miễn	8,75	8,17	6,92	23,84
96	780175	Đặng Nhật	Triệu	Nam	08/08/1997	Gia Lai	Hệ nội	Miễn	7,75	8,08	7,92	23,75
97	780109	Lê Thị Kiều	Nhi	Nữ	04/11/1997	Đồng Nai	Hệ nội	6,75	8,33	8	7,42	23,75
98	780154	Trần Thị Hạnh	Thảo	Nữ	05/11/1997	Bình Thuận	Hệ nội	6,33	8,58	8	7,17	23,75
99	780083	Nguyễn Thành	Luân	Nam	02/07/1997	Ninh Thuận	Hệ nội	8,5	8,75	7,75	7,25	23,75
100	780075	Nguyễn Phan Quỳnh	Lâm	Nam	22/02/1997	Đồng Nai	Hệ nội	Miễn	8,00	7,83	7,83	23,66
101	780054	Âu Ánh	Hồng	Nữ	15/01/1997	Đồng Tháp	Hệ nội	Miễn	8,00	7,83	7,83	23,66
102	780162	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	22/07/1996	Tây Ninh	Hệ nội	Miễn	7,92	7,92	7,75	23,59
103	780024	Huỳnh Thị Khả	Duy	Nữ	27/05/1997	Bình Định	Hệ nội	5,08	7,58	8,17	7,83	23,58
104	780189	Đoàn Minh	Yên	Nam	12/04/1997	Ninh Thuận	Hệ nội	Miễn	8,42	7,83	7,33	23,58
105	780031	Nguyễn Thịnh	Đức	Nam	18/05/1997	Quảng Nam	Hệ nội	Miễn	8,83	7,08	7,67	23,58
106	780016	Dư Khánh	Chiêu	Nam	11/01/1997	Kiên Giang	Hệ nội	5,67	7,33	8,17	7,83	23,33
107	780092	Lê Hoàng	Mỹ	Nam	12/07/1997	Sóc Trăng	Hệ nội	Miễn	7,75	7,25	8,33	23,33
108	780103	Huỳnh Danh	Nhân	Nam	11/04/1997	Đồng Tháp	Hệ nội	Miễn	7,75	7,83	7,75	23,33
109	780029	Lê Văn	Đức	Nam	25/03/1997	Quảng Nam	Hệ nội	5,75	8,00	7,75	7,58	23,33
110	780187	Vũ Hà Thùy	Vy	Nữ	04/04/1997	Đồng Nai	Hệ nội	Miễn	7,83	8,42	7	23,25
111	780008	Đào Thị Bảo	Ánh	Nữ	18/03/1997	Bình Định	Hệ nội	Miễn	8,25	8	6,92	23,17
112	780117	Nguyễn Thanh	Phú	Nam	02/12/1997	Tiền Giang	Hệ nội	Miễn	8,42	7,5	7,17	23,09
113	780049	Lê Thị Thanh	Hoa	Nữ	28/02/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	5	7,67	7,42	7,75	22,84
114	780094	Đặng Thị Huỳnh	Ngân	Nữ	27/04/1996	Khánh Hòa	Hệ nội	7,33	8,50	7,17	7	22,67

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
115	780040	Lê Việt	Hằng	Nữ	13/10/1997	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	7,17	8,33	7,08	22,58
116	780064	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	30/07/1997	Bên Tre	Hệ nội	Miễn	7,17	8,08	7,33	22,58
117	780034	Nguyễn Phương	Hải	Nam	07/02/1996	Kiên Giang	Hệ nội	Miễn	8,00	7,25	7,33	22,58
118	780122	Lê Thị	Phường	Nữ	08/08/1997	Ninh Thuận	Hệ nội	Miễn	8,58	7,58	6,42	22,58
119	780097	Phạm Nguyễn Thùy	Ngân	Nữ	16/07/1997	Đồng Nai	Hệ nội	Miễn	7,33	7,17	7,92	22,42
120	780108	Lại Thị Yến	Nhi	Nữ	22/12/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	5,25	7,67	7,42	7,33	22,42
121	780139	Bùi Thị Thủy	Tiên	Nữ	26/01/1997	Bình Phước	Hệ nội	Miễn	7,92	7,5	7	22,42
122	780186	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	30/04/1996	Bình Định	Hệ nội	Miễn	8,17	6,83	7,42	22,42
123	780182	Võ Phụng	Uyển	Nữ	22/12/1997	Quảng Ngãi	Hệ nội	7	7,33	7,33	7,67	22,33
124	780025	Ngô Thị Thùy	Dương	Nữ	21/06/1997	Hung Yên	Hệ nội	Miễn	8,17	7,33	6,75	22,25
125	780121	Hoàng Hữu	Phượng	Nam	07/10/1997	Bình Thuận	Hệ nội	5,75	7,75	7,58	6,83	22,16
126	780177	Lưu Hoàng	Trúc	Nữ	05/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	7,58	7,92	6,58	22,08
127	780013	Hoàng Ngọc Bảo	Châu	Nữ	10/10/1997	Quảng Trị	Hệ nội	Miễn	8,58	7	6,5	22,08
128	780123	Lê Thị	Phượng	Nữ	24/07/1997	Đồng Nai	Hệ nội	5,83	7,92	7,67	6,42	22,01
129	780022	Võ Trọng	Dũng	Nam	21/08/1997	Đồng Nai	Hệ nội	5,33	8,25	7,42	6,33	22,00
130	780131	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh	Nữ	16/01/1997	Gia Lai	Hệ nội	Miễn	6,75	7,92	7,08	21,75
131	780183	Hà Thị Thùy	Vân	Nữ	20/02/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Miễn	7,67	6,83	7,17	21,67
132	780142	Lê Quang	Toàn	Nam	02/07/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	Miễn	6,33	7,75	7,5	21,58
133	780009	Loven Fie Lưu	Bacarro	Nữ	19/02/1997	Khánh Hòa	Hệ nội	Miễn	6,67	7,92	6,83	21,42
134	780125	Lâm Thanh	Quế	Nữ	17/01/1997	An Giang	Hệ nội	Miễn	8,33	7,17	5,92	21,42
135	780010	Lê Tôn	Bảo	Nam	01/12/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	5,58	7,75	6,58	7	21,33
136	780015	Tăng Thị Quế	Chi	Nữ	11/04/1997	Tiền Giang	Hệ nội	Miễn	7,25	7	7	21,25
137	780077	Hồ Thị Khánh	Linh	Nữ	24/02/1997	Đà Nẵng	Hệ nội	Miễn	8,25	7,08	5,92	21,25
138	780036	Thạch Ngọc	Hải	Nam	07/01/1997	Trà Vinh	Hệ nội	Miễn	6,08	7,17	7,67	20,92
139	780116	Nguyễn Bùi Hoàng	Phong	Nam	09/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	6,25	7,92	6,67	20,84
140	780180	Trần Hải	Trường	Nam	22/08/1997	Kiên Giang	Hệ nội	5,5	6,75	7,25	6,17	20,17
141	780071	Nguyễn Việt	Khải	Nam	22/11/1996	Phú Yên	Hệ nội	Miễn	6,92	7,17	5,92	20,01
142	780110	Nguyễn Hoàng	Nhi	Nữ	26/09/1997	Khánh Hòa	Hệ nội	5,33	5,25	7,5	5,5	18,25
143	780144	Lê Thành	Tuân	Nam	28/02/1997	Phú Yên	Hệ nội	4,58	9,58	9	8,33	26,91
144	780120	Mã Kim	Phụng	Nữ	11/10/1997	Cần Thơ	Hệ nội	4,58	8,67	8,67	8,42	25,76
145	780014	Lê Thị Ngọc	Châu	Nữ	01/10/1997	Bình Phước	Hệ nội	4,5	8,17	8,33	9	25,50
146	780161	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	Nữ	02/06/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	4,92	8,58	8,58	8,08	25,24

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
147	780045	Vũ Thị Hải	Hậu	Nữ	27/12/1997	Nam Định	Hệ nội	3,58	7,83	8,67	8,08	24,58
148	780053	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	01/02/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	3,92	7,50	8,33	7,75	23,58
149	780132	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	13/06/1996	Hà Tĩnh	Hệ nội	4,33	8,00	7,5	7,42	22,92
150	780046	Phan Thị Thanh	Hiền	Nữ	10/11/1997	Đồng Nai	Hệ nội	4,33	7,25	8,17	7,42	22,84
151	780155	Võ Hồng	Thắm	Nữ	18/04/1997	Trà Vinh	Hệ nội	4	8,42	7,42	7	22,84
152	780176	Đặng Lê Thanh	Trúc	Nữ	17/12/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	4,08	8,08	7,17	7,42	22,67
153	780093	Hồ Hằng	Nga	Nữ	31/10/1996	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	6,58	9,25	6,75	6,25	22,25
154	780173	Phạm	Triết	Nam	20/10/1997	Bình Định	Hệ nội	4,58	6,75	8,33	6,67	21,75
155	780041	Sử Thị	Hằng	Nữ	30/04/1997	Bình Định	Hệ nội	4,25	6,83	8,08	6,67	21,58
156	780042	Võ Thúy	Hằng	Nữ	21/02/1997	Đồng Tháp	Hệ nội	4,17	6,58	7,75	7,17	21,50
157	780038	Sơn Quốc	Hào	Nam	01/01/1997	Sóc Trăng	Hệ nội	4,5	7,67	6,92	6,75	21,34
158	780027	Phan Tuấn	Đạt	Nam	15/09/1997	Bến Tre	Hệ nội	Miễn	7,50	6,92	6,5	20,92
159	780151	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	21/02/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	3,67	7,83	6,75	6,17	20,75
160	780026	Nguyễn Ngọc Thành	Đạt	Nam	13/07/1997	Đồng Nai	Hệ nội	6,5	8,08	6,33	6,33	20,74
161	780003	Trần Thị Thúy	An	Nữ	13/08/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	Miễn	7,08	6,92	6,5	20,50
162	780129	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/11/1996	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	7,25	7,58	6,5	6,25	20,33
163	780068	Nguyễn Nhân	Kiệt	Nam	03/09/1997	Đồng Tháp	Hệ nội	Miễn	6,25	6,92	6,58	19,75
164	780107	Nguyễn	Nhật	Nam	06/04/1997	Ninh Thuận	Hệ nội	Miễn	7,33	6,08	6,08	19,49
165	780114	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	26/04/1996	Long An	Hệ nội	Miễn	7,00	6	6,33	19,33
166	780105	Phạm Văn	Nhân	Nam	02/08/1997	Quảng Nam	Hệ nội	4	5,42	7	6,83	19,25
167	780163	Nguyễn Thị An	Thuyên	Nữ	16/10/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	4,33	6,17	7	6	19,17
168	780171	Nguyễn Minh	Trí	Nam	13/05/1997	Long An	Hệ nội	6,17	6,17	6,83	6,08	19,08
169	780044	Lê Phúc	Hậu	Nam	22/10/1997	Trà Vinh	Hệ nội	Miễn	6,58	6,5	5,25	18,33
170	780138	Trần Thị Minh	Tâm	Nữ	20/08/1997	Ninh Thuận	Hệ nội	Miễn	7,50	4,92	5,58	18,00
171	780074	Võ Minh	Khôi	Nam	20/04/1997	Long An	Hệ nội	4,75	5,50	5,92	6,5	17,92
172	780011	Nguyễn Lê Gia	Bảo	Nữ	03/06/1997	Quảng Nam	Hệ nội	Miễn	6,33	5,83	5,67	17,83
173	780006	Trương Duy Ngọc	Anh	Nữ	07/01/1997	Vĩnh Long	Hệ nội	Miễn	5,50	6,5	5,42	17,42
174	780166	Trần Trọng	Thức	Nam	16/05/1996	Long An	Hệ nội	5,17	5,67	5,92	5,75	17,34
175	780165	Phạm Anh	Thư	Nữ	25/11/1997	Bình Định	Hệ nội	4,58	5,08	6,42	5,58	17,08
176	780028	Thái Quốc	Đông	Nam	07/03/1997	Sóc Trăng	Hệ nội	4,25	5,92	5,75	5,17	16,84
177	780164	Hoàng Thị Anh	Thư	Nữ	30/08/1996	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	Miễn	5,33	6,17	5,33	16,83
178	780039	Trần Văn	Hảo	Nam	21/01/1997	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	Miễn	5,58	6,25	4,92	16,75

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
179	780113	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	12/08/1997	Đồng Nai	Hệ nội	5,42	5,17	5	5,75	15,92
180	780179	Phan Nguyễn Minh	Trung	Nam	24/06/1996	Đà Nẵng	Hệ nội	7,33	6,50	4,42	4,92	15,84
181	780087	Phạm Hoàng	Minh	Nam	31/05/1997	Đắk Lắk	Hệ nội	5,33	4,42	5,08	5,92	15,42
182	780035	Nguyễn Tấn	Hải	Nam	05/01/1997	Quảng Nam	Hệ nội	Miễn	4,92	5,42	5,08	15,42
183	780001	Nguyễn Nhật	An	Nam	26/03/1997	Bến Tre	Hệ nội	Miễn	5,17	5,58	4,67	15,42
184	780096	Lê Bình Phương	Ngân	Nữ	08/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hệ nội	4,33	4,33	4,83	5,42	14,58
185	780158	Võ Hoàng	Thiên	Nam	24/05/1997	Tiền Giang	Hệ nội	8,33	3,50	5,33	5,17	14,00
186	780063	Lê Thị Mỹ	Huyền	Nữ	28/06/1996	Hậu Giang	Hệ nội	Miễn	0,00	0,00	0	0,00
187	780012	Trần Thanh	Bình	Nam	10/02/1997	Quảng Bình	Hệ nội	6,17	0,00	0,00	0	0,00
188	780055	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	06/07/1996	An Giang	Hệ nội	0	0,00	0,00	0	0,00
189	780088	Kiều Thị Hà	My	Nữ	15/11/1997	Hà Tĩnh	Hệ nội	0	0,00	0,00	0	0,00
1	729029	Nguyễn Thị Anh	Tú	Nữ	23/09/1997	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	8,83	8,5	8,67	26,00
2	729035	Trương Hoàng	Yến	Nữ	19/05/1997	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt.	5,5	8,92	8,25	8,5	25,67
3	729025	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	01/05/1997	Phú Yên	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	9,25	8,25	8	25,50
4	729011	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	04/10/1997	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt.	5,33	8,67	8,42	8,25	25,34
5	729031	Vũ Thị Thanh	Vân	Nữ	12/12/1997	Bình Thuận	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	8,25	8,08	8,92	25,25
6	729027	Lê Thanh	Thủy	Nữ	17/03/1997	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	8,75	8	8,5	25,25
7	729002	Nguyễn Huy Hoàng	Anh	Nam	10/03/1997	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	6,58	8,42	8,17	8,58	25,17
8	729028	Đặng Ngọc Bảo	Trân	Nữ	12/09/1997	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	8,5	8,75	8,17	8,25	25,17
9	729020	Trần Ngọc Phương	Thảo	Nữ	31/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	8,75	7,92	8,17	24,84
10	729010	Cao Thị Ánh	Ngọc	Nữ	24/12/1997	Phú Yên	Răng - Hàm - Mặt.	7,17	9,42	8	7,42	24,84
11	729004	Lê Hồng	Hải	Nữ	01/01/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Răng - Hàm - Mặt.	7,33	8,50	8,33	7,67	24,50
12	729015	Huỳnh Nguyễn Hữu	Phước	Nam	03/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	6,58	8,58	7,92	7,67	24,17
13	729013	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	11/09/1995	Long An	Răng - Hàm - Mặt.	6,75	8,00	8,08	8,08	24,16
14	729017	Trương Thị Lục	Phường	Nữ	14/02/1997	Đồng Tháp	Răng - Hàm - Mặt.	6,5	8,25	7,83	8,08	24,16
15	729030	Phan Thị Thanh	Tú	Nữ	06/12/1997	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt.	6,25	8,00	7,75	8,33	24,08
16	729024	Lê Hoàng	Thư	Nữ	18/08/1997	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt.	6,17	8,33	8,08	7,5	23,91
17	729009	Nguyễn Trúc	Ngân	Nam	22/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	7,92	8,42	7,17	23,51
18	729014	Phan Thanh	Phong	Nam	14/12/1996	Bạc Liêu	Răng - Hàm - Mặt.	8,83	8,67	7,33	7,25	23,25
19	729016	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	08/04/1997	Đà Nẵng	Răng - Hàm - Mặt.	6	7,42	7,75	7,92	23,09
20	729033	Lưu Quang	Vinh	Nam	28/07/1997	Đồng Tháp	Răng - Hàm - Mặt.	5,33	7,33	7,5	8,25	23,08
21	729006	Đào Minh	Huệ	Nữ	01/07/1997	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	8,25	7,42	7,33	23,00

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
22	729008	Lâm Mỹ	Linh	Nữ	12/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Miễn	7,92	7,67	7,17	22,76
23	729023	Trần Vương	Thịnh	Nam	09/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	9,08	7,75	7,67	7,17	22,59
24	729021	Võ Văn	Thiện	Nam	09/11/1996	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt.	6,08	5,25	8,17	8,25	21,67
25	729034	Hồ Nguyễn Cảnh	Vy	Nữ	07/05/1997	An Giang	Răng - Hàm - Mặt.	5,83	6,42	7,42	6,42	20,26
26	729005	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	16/12/1996	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt.	4,75	8,92	8,33	8,33	25,58
27	729032	Kiều Thanh	Vi	Nữ	02/08/1997	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt.	4,67	8,83	8	8,17	25,00
28	729026	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/02/1997	Hà Tây	Răng - Hàm - Mặt.	4,83	8,25	8	7,5	23,75
29	729001	Nguyễn Đức Duy	Anh	Nam	11/12/1996	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	4,08	7,58	7,42	7,67	22,67
30	729022	Hồ	Thịnh	Nam	18/08/1997	Đồng Tháp	Răng - Hàm - Mặt.	2,42	7,17	7,42	7	21,59
31	729007	Nguyễn Trung	Hung	Nam	28/04/1996	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt.	6,17	6,58	6,42	6,58	19,58
32	729003	Bùi Ngọc Phương	Dung	Nữ	28/11/1997	Bến Tre	Răng - Hàm - Mặt.	7,75	6,42	6,58	6,33	19,33
33	729019	Nguyễn Lâm	Thảo	Nữ	23/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	3,83	5,83	5,75	5,83	17,41
34	729018	Trần Duy	Quân	Nam	24/02/1997	Vĩnh Long	Răng - Hàm - Mặt.	5,5	4,42	6,25	5,42	16,09
35	729012	Ngô Thanh	Nhi	Nữ	22/03/1997	Vĩnh Long	Răng - Hàm - Mặt.	0	0,00	0,00	0	0,00
1	738008	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	02/06/1997	Tiền Giang	Y học cổ truyền.	5,17	8,83	9,08	8,83	26,74
2	738021	Đàm Thu	Thảo	Nữ	07/02/1997	Bến Tre	Y học cổ truyền.	Miễn	8,83	8,75	8,75	26,33
3	738005	Lê Ngọc	Châu	Nữ	22/03/1997	Bến Tre	Y học cổ truyền.	6,58	8,50	8,83	8,92	26,25
4	738019	Nguyễn Lê Bảo	Quyên	Nữ	02/03/1997	Quảng Nam	Y học cổ truyền.	6,08	8,25	9	8,92	26,17
5	738027	Lê Thị Mỹ	Tiên	Nữ	27/03/1997	Bình Thuận	Y học cổ truyền.	5,25	7,92	8,83	8,83	25,58
6	738013	Nguyễn Thị Tuyết	Ly	Nữ	28/03/1997	Bến Tre	Y học cổ truyền.	Miễn	8,08	8,58	8,92	25,58
7	738029	Vũ Thị Thanh	Tú	Nữ	21/09/1997	Bình Phước	Y học cổ truyền.	5	7,67	8,92	8,83	25,42
8	738001	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	27/01/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Y học cổ truyền.	Miễn	8,33	8,42	8,58	25,33
9	738012	Hứa Sở	Huệ	Nữ	12/09/1997	Bạc Liêu	Y học cổ truyền.	Miễn	7,67	8,42	9,17	25,26
10	738033	Nguyễn Thị Hương	Xuân	Nữ	14/12/1996	Lâm Đồng	Y học cổ truyền.	5,33	7,75	8,67	8,75	25,17
11	738009	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	03/08/1997	Long An	Y học cổ truyền.	5,25	7,58	8,92	8,58	25,08
12	738030	Kiều Quốc	Việt	Nam	15/05/1997	Kon Tum	Y học cổ truyền.	Miễn	7,83	8,42	8,75	25,00
13	738018	Đặng Ngọc Hà	Phương	Nữ	16/07/1996	Đồng Nai	Y học cổ truyền.	6,33	6,67	8,92	8,75	24,34
14	738002	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ân	Nữ	01/08/1997	Kiên Giang	Y học cổ truyền.	5,17	7,00	8,92	8,33	24,25
15	738014	Trần Nguyễn Hạnh	Ngân	Nữ	07/04/1997	Phú Yên	Y học cổ truyền.	6,08	6,25	8,92	8,83	24,00
16	738022	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	Nữ	30/01/1995	Tây Ninh	Y học cổ truyền.	5,25	5,08	8,83	8,75	22,66
17	738003	Trần Thị Minh	Anh	Nữ	10/11/1997	Trà Vinh	Y học cổ truyền.	Miễn	6,83	8,25	7,58	22,66
18	738025	Phạm Anh	Thư	Nữ	23/08/1997	Tiền Giang	Y học cổ truyền.	Miễn	7,17	7,25	8	22,42

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Môn 2	Điểm Môn 3	Điểm Môn 4	Tổng điểm
19	738011	Lê Thị Tuyết	Hoa	Nữ	26/06/1995	An Giang	Y học cổ truyền.	Miễn	6,58	8	7,33	21,91
20	738026	Nguyễn Đào Ngọc	Thuyết	Nữ	07/02/1997	An Giang	Y học cổ truyền.	7,92	5,42	8,17	8,17	21,76
21	738028	Lê Thị Thu	Trúc	Nữ	04/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.	6,42	5,00	8,42	8,17	21,59
22	738010	Đỗ Dương Trung	Hiếu	Nam	11/04/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Y học cổ truyền.	Miễn	5,75	8,08	6,75	20,58
23	738024	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	16/04/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Y học cổ truyền.	4	7,50	8,75	8,92	25,17
24	738031	Bùi Thị Thuý	Vy	Nữ	12/02/1997	An Giang	Y học cổ truyền.	4,75	7,50	8,33	8,75	24,58
25	738007	Dương Khánh	Hà	Nữ	12/08/1995	Cần Thơ	Y học cổ truyền.	4,75	7,33	8,42	8,58	24,33
26	738032	Lê Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	22/08/1997	Bình Thuận	Y học cổ truyền.	4,67	6,33	8,83	8,75	23,91
27	738016	Phan Thị Trúc	Nguyên	Nữ	26/04/1996	Long An	Y học cổ truyền.	4,25	6,25	8,58	8,25	23,08
28	738006	Nguyễn Thị	Dánh	Nữ	20/10/1997	Thừa Thiên Huế	Y học cổ truyền.	3,83	6,08	8,58	7,67	22,33
29	738023	Nguyễn Ngọc	Thoa	Nữ	22/04/1997	Bình Dương	Y học cổ truyền.	5,33	4,92	9,08	8,25	22,25
30	738020	Nguyễn Thành	Tài	Nam	24/01/1997	Tây Ninh	Y học cổ truyền.	4,25	4,67	8,42	8,42	21,51
31	738017	Dương Hoàng	Nhơn	Nam	02/09/1996	Hậu Giang	Y học cổ truyền.	Miễn	0,00	0,00	0	0,00
32	738015	Tạ Trung	Nghĩa	Nam	29/06/1997	Hậu Giang	Y học cổ truyền.	Miễn	0,00	0,00	0	0,00
33	738004	Đỗ Thị Ngọc	Châu	Nữ	07/11/1996	Đồng Nai	Y học cổ truyền.	0	0,00	0,00	0	0,00

Ấn định danh sách có 455 (Bốn trăm năm mươi lăm) thí sinh đăng ký dự thi tuyển sinh bác sĩ nội trú năm 2021.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Nguyễn Hoàng Bắc